

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN CẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16-02-2022

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vui.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Phúc;
2. Ông Lê Văn Rễn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Đình Quế Anh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Ngô Minh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 136/2021/TLHNGĐ-ST ngày 10 tháng 11 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hồ TD, sinh năm: 1965.

Địa chỉ: Ấp TD, xã LT, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Ông Võ VG, sinh năm: 1964.

Địa chỉ: Ấp TD, xã LT, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

Tạm trú: Ấp TT, xã LT, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

Tất cả vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Hồ TD trình bày: Bà và ông D tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1981 nhưng không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống có 03 con chung Võ KL, sinh năm 1983, Võ TL, sinh năm 1986 và Võ TT, sinh năm 1988, hiện các con đã thành niên và đã có gia đình riêng. Tài sản chung và nợ chung, không có.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 1998 thì phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cãi vã nhau, do ông G có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ

khác khi về nhà là mắng chửi và đánh đập bà, mặc dù bà cố hàn gắn tình cảm vợ chồng, khuyên nhủ ông G để giữ gìn hạnh phúc gia đình và cứ tưởng ngày càng lớn tuổi ông G sẽ suy nghĩ lại mà thay đổi nhưng qua thời gian 22 năm ông G vẫn vậy không trách nhiệm với gia đình, không quan tâm chăm sóc vợ con một mình bà phải tần tảo nuôi dạy con. Bà nhận thấy vợ chồng không thể hòa hợp với nhau nữa, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được do đó bà yêu cầu được ly hôn với ông G.

Về con chung: Các con đã thành niên và đã có gia đình riêng nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên bà không yêu cầu giải quyết.

Do bận công việc nên bà D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn ông Võ VG trình bày:* Do ông G vắng mặt nên không có lời trình bày. Tuy nhiên tại biên bản lấy lời khai ngày 12/01/2022 ông G cho rằng, trong thời gian chung sống với bà D không hạnh phúc do ông không có quyền gì, bà D muốn ly hôn thì cứ yêu cầu Tòa án giải quyết, ông không nhận bất cứ văn bản gì và cũng không đến Tòa án, ông không muốn hàn gắn gia đình cũng không yêu cầu hòa giải nhưng ông không muốn ly hôn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D; Con chung, các con đã thành niên và đã có gia đình riêng nên không xem xét giải quyết; Tài sản và nợ chung, bà D khai không có và không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Hồ TD có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và ông Võ VG đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà D và ông G trên cơ sở hôn nhân tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1983, mặc dù ông bà không đăng ký kết hôn nhưng căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội về thi hành Luật hôn nhân và gia đình: “*Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03 tháng 01 năm 1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định*” thì hôn nhân của bà D và ông G vẫn được pháp luật công nhận là hôn

nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ, việc ly hôn sẽ tuân theo quy định của luật hôn nhân gia đình.

Xét tình trạng hôn nhân của bà D và ông G thì thấy rằng: Ông, bà bắt đầu chung sống từ năm 1983, đến năm 1998 ông, bà không còn hòa hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm sống, bà D đã cố hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành, không ai quan tâm chăm sóc đến ai. Tại biên bản lấy lời khai ngày 12/01/2022 ông G thừa nhận, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, ông không muốn hàn gắn gia đình cũng không yêu cầu hòa giải, ông không nhận bất cứ văn bản gì và cũng không đến Tòa án, chứng tỏ ông G không thiện chí hàn gắn gia đình. Từ những nhận định trên, có đủ căn cứ cho rằng mâu thuẫn giữa bà D và ông G đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Có 03 người tên Võ KL, sinh năm 1983, Võ TL, sinh năm 1986 và Võ TT, sinh năm 1988. Xét thấy hiện các con đã thành niên và đã có gia đình riêng nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà D không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Trường hợp sau này ông G có yêu cầu sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Bà D phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Hồ TD với ông Võ VG. Bà D được ly hôn với ông G.

2. Về con chung: Các con đã thành niên và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà D không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số

0022530 ngày 10-11-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu. Ghi nhận bà D đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- Chi cục THADS huyện Bến Cầu;
- UBND xã Lợi Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vui